

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST

Ngày: 15-7-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Công Giáo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Xuân Dũng

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXX-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị N, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định, có mặt.

Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1966; Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A,, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đường Hạc L, sinh năm 1979; Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A,, tỉnh Bình Định, có mặt.

2. Ông Phạm Văn L1, sinh năm 1956; Địa chỉ: thôn T, xã N, thị xã A,, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Hà Thị N trình bày:**

Năm 2019 vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Phạm Văn L1 đã vay tiền vợ chồng chị 400.000.000đ, cụ thể: Ngày 11/5/2019 vay 100.000.000đ tiền gốc; Ngày 30/5/2019 vay 200.000.000đ tiền gốc; Ngày 01/7/2019 vay 100.000.000đ tiền gốc.

Các lần vay bà H đều viết giấy mượn tiền và ký tên. Thời hạn vay trong giấy mượn tiền không ghi nhưng hai bên thỏa thuận miệng vào tháng 12/2019 sẽ trả hết tiền vay gốc và lãi. Lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 3%/tháng. Từ tháng 5/2019 đến tháng 7/2019 bà H đã trả lãi 03 lần, tổng cộng là 20.000.000đ. Việc trả lãi không có ghi giấy tờ. Từ tháng 8/2019 đến nay, vợ chồng bà H, ông L1 không trả cho chị khoản tiền gốc, lãi nào.

Chị yêu cầu vợ chồng bà H, ông L1 có trách nhiệm trả cho vợ chồng chị số nợ gốc 400.000.000đ, và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật số nợ gốc 400.000.000đ từ ngày 01/8/2019 cho đến khi xét xử.

*** Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày:** Vào năm 2019 bà có ba lần vay tiền vợ chồng chị Hà Thị N, Đường Hạc L, tổng cộng 400.000.000đ, cụ thể: Ngày 11/5/2019 vay 100.000.000đ tiền gốc; Ngày 30/5/2019 vay 200.000.000đ tiền gốc; Ngày 01/7/2019 vay 100.000.000đ tiền gốc.

Cả ba lần vay lãi suất theo thỏa thuận là 30%, hình thức vay không kỳ hạn. Mục đích vay là vay hộ cho cháu (Bùi Thanh H).

Bà đã trả lãi cho chị N 03 tháng, chưa trả khoản tiền gốc nào. Nguyên nhân chưa trả do cháu Hoa vỡ nợ, không trả tiền cho bà.

Việc vay tiền lúc đầu chồng bà (Phạm Văn L1) không biết, đến khi vỡ nợ thì ông L1 mới biết.

Bà xác định hiện còn nợ chị N 400.000.000đ tiền vay gốc, xin được trả dần số nợ trong thời hạn vài năm, khi nào cháu Hoa trả tiền cho vợ chồng bà thì vợ chồng bà sẽ trả nợ dứt điểm cho chị N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đường Hạc L trình bày:** Thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của chị Hà Thị N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn L1:** Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Phạm Văn L1, tuy nhiên ông Phạm Văn L1 không đến Tòa làm việc nên không có lời khai của ông Phạm Văn L1.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn tham gia phiên Tòa:**

Về tố tụng: Hoạt động tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên Tòa đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Phạm Văn L1 có trách nhiệm trả cho chị Hà Thị N 400.000.000đ và tiền lãi theo quy định pháp luật. Bác yêu cầu của bà H, ông L1 xin trả dần nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Hà Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn Bùi

Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn L1 cùng có nghĩa vụ trả tiền vay cho nguyên đơn nên quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Bùi Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn L1 đang cư trú tại thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn theo quy định tại khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Kể từ khi Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự đến Tòa để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn Bùi Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn L1 đã liên tục cố tình vắng mặt dù hai người đã được Văn phòng thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật, đúng thời hạn. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bị đơn Bùi Thị H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Văn L1 vẫn cố tình vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Chị Hà Thị N khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng Bùi Thị H, Phạm Văn L1 cùng có nghĩa vụ trả số tiền vay 400.000.000đ cho vợ chồng chị. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị Hà Thị N đã cung cấp cho Tòa án 01 Giấy mượn tiền (bút lục 12). Bà Bùi Thị H thừa nhận Giấy mượn tiền mà chị N cung cấp do chính bà viết, từ ngày vay cho đến nay bà chưa trả cho chị N khoản tiền gốc nào. Mặc dù trong giấy mượn tiền chỉ có chữ viết, chữ ký của bà Bùi Thị H nhưng chị Hà Thị N đã chứng minh việc vay mượn tiền có sự chứng kiến của chồng bà H là ông Phạm Văn L1. Nội dung chị Hà Thị N ghi âm trong điện thoại thể hiện ông Phạm Văn L1 đã hứa với chị N qua Tết sẽ thanh toán nợ chứng tỏ việc vay mượn tiền đã có sự thống nhất của ông Phạm Văn L1. Như vậy có đủ cơ sở để xác định vợ chồng Bùi Thị H, Phạm Văn L1 còn nợ vợ chồng Hà Thị N, Đường Hạc L tiền vay gốc là 400.000.000đ.

[2.2] Trong “Giấy mượn tiền” nguyên đơn cung cấp thể hiện: số tiền vay gốc, lãi suất hai bên thỏa thuận, không ghi kỳ hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn có lãi suất. Nguyên đơn xác định lãi suất là 3%/tháng, bị đơn xác định lãi suất là 30%, hai bên không thống nhất mức lãi suất đã tự thỏa thuận nên căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự mức lãi suất được xác định 10%/năm. Chị N và bà H xác định bà H bắt đầu vay từ ngày 11/5/2019, trả lãi 03 tháng, sau đó vi phạm nghĩa vụ trả nợ, như vậy thời điểm tính lãi chậm trả theo khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự được tính từ ngày 11/8/2019 cho đến ngày xét xử (15/7/2020) là 335 ngày, số tiền lãi bà H phải trả là $(400.000.000đ \times 10\% \times 335) : 365 = 36.712.000đ$.

[2.3] Bà Bùi Thị H xin được trả dần số nợ trong thời hạn vài năm, tuy nhiên yêu cầu này không được chị Hà Thị N chấp nhận, nên bác yêu cầu trả dần của bà Bùi Thị H.

[3] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ quốc hội, vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Phạm Văn L1 phải chịu án phí về tranh chấp dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Mức án phí được xác định là 20.000.000đ cộng 4% phần giá trị có tranh chấp vượt quá 400.000.000đ là (36.712.000đ x 4% = 1.468.480đ). Tổng cộng án phí là 21.468.000đ.

Ông Phạm Văn L1 thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nhưng để được xem xét miễn án phí theo quy định tại Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ông Phạm Văn L1 phải có đơn đề nghị. Ông Phạm Văn L1 không có đơn nên không được xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 227, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị N. Buộc bà Bùi Thị H, ông Phạm Văn L1 có trách nhiệm liên đới trả cho chị Hà Thị N, anh Đường Hạc L 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) gốc và 36.712.000đ (ba mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng) lãi, tổng cộng là 436.712.000đ (bốn trăm ba mươi sáu triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/Án phí:

2.1/ Vợ chồng bà Bùi Thị H, ông Phạm Văn L1 phải chịu 21.468.000đ (hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

2.2/ Hoàn trả 10.000.000đ (mười triệu đồng) tạm ứng án phí cho chị Hà Thị N theo biên lai thu tiền số 0004950 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã An Nhơn.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND thị xã An Nhơn;
- Chi cục THADS TX An Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Phan Công Giáo